

Bản án số: 165/2019/HSST

Ngày: 16/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu Thương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Thiều Thị Phi Loan
2. Ông Trần Chính
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Cán bộ Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2019/TLST-HSST ngày 21 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh N

Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam

Sinh ngày 01/01/2000 tại Cà Mau.

Nơi đăng ký NKTT: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở N nay: Khu phố 4, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12

Họ tên cha: Huỳnh Chí E - Sinh năm 1975 (còn sống)

Họ tên mẹ: Trần Thị D - Sinh năm 1979 (còn sống)

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 08/10/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 522 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. N bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B.

2. Họ và tên: Võ Hoàng Q

Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam

Sinh ngày 20/8/1998 tại Bình Dương.

Nơi đăng ký NKTT: Khu phố 3A, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở N nay: Khu phố 4, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: Lớp 6/12

Họ tên cha: Võ Văn Y - Sinh năm 1968 (còn sống)

Họ tên mẹ: Huỳnh Thị K - Sinh năm 1966 (còn sống)

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 08/10/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 523 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. N bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh N và Võ Hoàng Q có mối quan hệ bạn bè và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy. Lúc 22 giờ ngày 07/10/2018, N điện thoại rủ Q đi mua ma túy về sử dụng, N thỏa thuận sẽ bỏ tiền mua ma túy, Q là người chở N đi mua, Q đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô biển số 61F9-1267 chở N đi đến khu vực cầu Bửu Hòa thuộc phường Bửu Hòa, thành phố B, gặp người đàn ông tên Phong (chưa rõ lai lịch) mua 01 (một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, N cầm gói ma túy trong tay trái ngồi sau xe mô tô do Q điều khiển chở N về.

Đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 08/10/2018, Q chở N về đến khu vực ấp 2, xã Tân Hạnh, thành phố B thì bị Công an xã Tân Hạnh kiểm tra. Khi thấy lực lượng Công an, N vứt gói ma túy trên tay xuống nền đường nơi N và Q dừng xe thì bị bắt quả tang.

* Tang vật thu giữ:

- 01 (một) gói ny lon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M) (Huỳnh N và Võ Hoàng Q khai là ma túy tổng hợp -hàng đá) đã được niêm phong có chữ ký của N, Q và dấu mộc của Công an xã Tân Hạnh, thành phố B.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số thuê bao 0373730751, số Imel: 356967092781152 của N sử dụng liên lạc mua ma túy.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, số thuê bao 0523535318, số Imel: 81083600015708 của Q không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 cân tiểu ly dùng để cân ma túy.

- Xe mô tô biển số 61F9-1267 thuộc sở hữu của chị Võ Thị Thúy Anh (chị của Q)- sinh năm 1991, ngụ tại khu phố 3A, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chị Anh không biết Q sử dụng xe vào việc mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Anh.

Tại Kết luận giám định số 520/PC09-GĐMT ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận như sau:

“Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng 0,8776gam, loại **Methamphetamine**.”

Tại cáo trạng số 193/CT/VKS-BH ngày 19 tháng 3 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Huỳnh N mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm; bị cáo Võ Hoàng Q mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

Tại phiên tòa, bị cáo N và Q không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực N đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở khai nhận tội của bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai và biên bản đối chất của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định:

Huỳnh N và Võ Hoàng Q là người sử dụng trái phép chất ma túy, khoảng 00 giờ 50 phút ngày 08/10/2018, tại khu vực ấp 2, xã Tân Hạnh, thành phố B, Huỳnh N và Võ Hoàng Q đang tàng trữ trái phép 0,8776 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Công an xã Tân Hạnh bắt quả tang.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi của bị cáo N và bị cáo Q như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Với khối lượng ma túy bị thu giữ, nên bị cáo N, Q đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự “..., Methamphetamine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố B đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song với nhu cầu của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

Xét vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng là người ngN và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đối với bị cáo N là người rủ rê chủ động bỏ toàn bộ tiền đi mua ma túy về sử dụng và rủ Q chở đi mua, mặc dù Q biết đây là ma túy nhưng vẫn nhận và cất giấu nhằm mục đích để cùng sử dụng chung, nên mức hình phạt của bị cáo N phải cao hơn bị cáo Q.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N và Q không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N và bị cáo Q tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo N và bị cáo Q tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng không lớn, mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại ngN chất ma túy, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 cân tiểu ly dùng để cân ma túy.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số thuê bao 0373730751, số Imel: 356967092781152 của N sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Q: 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, số thuê bao 0523535318, số Imel: 81083600015708 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B).

[9] Đối với đối tượng tên Phong (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho N và Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo N và Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh N** và **Võ Hoàng Q** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Huỳnh N mức án 01 (Một) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: **Võ Hoàng Q 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 cân tiểu ly dùng để cân ma túy.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số thuê bao 0373730751, số Imel: 356967092781152 của N sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Q: 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, số thuê bao 0523535318, số Imel: 81083600015708 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh N và Võ Hoàng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP B;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thu Thương